TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2024/HNGĐ-ST
Ngày 05-01-2024
V/v tranh chấp hôn nhân gia đình "Ly hôn và nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG.

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

*Chủ tọa phiên toà***:** Bà Lê Lâm Bảo Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Thái Quân

2. Bà Nguyễn Thị Kim Chi

- *Thư ký phiên toà*: Bà Nguyễn Thị Mai Thy - Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Tân.

Trong ngày 05 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 507/20223/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2023, về tranh chấp hôn nhân và gia đình *"Xin ly hôn và nuôi con khi ly hôn*". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 359/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2023 giữa:

Nguyên đơn: Trần Hữu N, sinh năm 1982, nơi cư trú: Số nhà D, ấp P, xã P, huyện P, tỉnh An Giang

Bị đơn**:** Nguyễn Thị Kim Y, sinh năm 1985, nơi cư trú: Số nhà D, ấp P, xã P, huyện P, tỉnh An Giang.

(Ông N, bà Y có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ theo đơn khởi kiện, bảng tự khai ông Trần Hữu N, bà Kim Y thống nhất trình bày:

Về hôn nhân: cả hai tự tìm hiểu quen nhau, được cha mẹ chấp thuận cho chung sống với nhau từ năm 1999, không tổ chức lễ cưới, cũng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân chủ yếu tính tình không còn phù hợp nhau, thường xuyên cãi vả , bất đồng quan điểm trong cuộc sống, chính thức ly thân từ cuối năm 2016 cho đến nay. Sau thời gian ly thân đã nhiều lần vợ chồng có gặp nhau để hàn gắn tình cảm

nhưng cuộc sống vẫn không hạnh phúc, không có tiếng nói chung trong sinh hoạt hàng ngày cũng như trong công việc làm ăn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 (một) con chung tên Trần Hữu Đ, sinh ngày 05/09/2006. Hiện cháu Đ do cha chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn, ông Hữu N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Đ, không yêu cầu bà Y cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: ông N và bà Kim Y thống nhất tự thoả thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông N và bà Y thống nhất không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã P, huyện P, tỉnh An Giang. Nên ông N khởi kiện xin ly hôn là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân theo quy định tại Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Các bên có đơn xin vắng mặt nên căn cứ theo quy định pháp luật, Hội đồng xét xử tiến hành xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Hữu N và bà Nguyễn Thị Kim Y do tự tìm hiểu được cha mẹ chấp thuận rồi tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới, nhưng không đăng ký kết hôn là hôn nhân không hợp pháp nên không được pháp luật bảo vệ khi có tranh chấp xảy ra.

Ông N cho rằng, giữa vợ chồng không có tiếng nói chung, không cùng quan điểm, tình tình không phù hợp nhau, vợ chồng đã nhiều lần muốn hàn gắn nhưng không được nên mâu thuẫn ngày thêm trầm trọng, không thể hòa giải hàn gắn được và giữa hai bên không có biện pháp hàn gắn, cho thấy tình cảm giữa vợ, chồng đã trầm trọng, không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn. Do ông bà không đăng ký kết hôn nên không được pháp luật thừa nhận vì hôn nhân của ông, bà là hôn nhân không hợp pháp do vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, do đó để cho ông, bà có cuộc sống riêng, nên HĐXX không công nhận giữa ông, bà là vợ chồng theo quy định tại Điều 89 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000; Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[2.2]. Về quan hệ con chung: thống nhất con chung do ông N nuôi dưỡng cháu Đ, không yêu cầu bà Y cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ phải thu: Quá trình làm việc, ông, bà thống nhất không có, không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét.

Về nợ phải trả: Các đương sự khai không có, vì vậy Hội đồng xét xử ghi nhận, nhưng sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

[3] Về án phí: Ông Trần Hữu N là người xin ly hôn nên phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định pháp luật.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 9; Điều 14; Điều 51, 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; Điều 238; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự;

- Căn cứ Điều 26; Điều 27; Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Trần Hữu N và bà Nguyễn Thị Kim Y là vợ chồng.

Về con chung: ông Trần Hữu N được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung tên Trần Hữu Đ sinh ngày 05/9/2006 đến khi con chung trưởng thành hoặc lao động được, bà Nguyễn Thị Kim Y không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Trần Hữu N cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở bà Y trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về quan hệ tài sản chung và nợ: Không yêu cầu.

Án phí: ông Trần Hữu N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0006394 ngày 28/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân. Bà Nguyễn Thị Kim Y không phải chịu án phí.

Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo kể từ ngày tống đạt hoặc niêm yết bản sao Bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKSND huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

Lê Lâm Bảo Ngọc